

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRI TÔN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 03-01-2023
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Sơn Thị Thúy Liễu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Chế Thị Hồng Cẩm;
2. Ông Chau Rót Tha.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Kim Liệu - thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn tham gia phiên tòa: Ông Chau Pho Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 318/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2022 về việc " Tranh chấp ly hôn, nuôi con " theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 152/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 67/2022/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Néang M, sinh năm 1995. Địa chỉ: Tổ 01, ấp P, xã Ô, huyện TT, tỉnh An Giang, (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Chau R, sinh năm 1992. Địa chỉ: Tổ 02, ấp P, xã Ô, huyện TT, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

Người phiên dịch: Ông Kim Seng – Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt nam xã Châu Lăng, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn bà Néang M trình bày:* Bà M và ông Chau R tự tìm hiểu nhau và được gia đình tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ô, huyện TT, tỉnh An Giang ngày 22/06/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng cùng đi làm công nhân, sau một thời gian phát sinh mâu thuẫn bà M trở về nhà cha mẹ ruột sinh

sống cho đến nay. Trong quá trình chung sống do ông R lười lao động không đi làm để có thu nhập lo cho gia đình, chỉ có bà M là lao động chính lo cho gia đình. Từ đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, không còn tình cảm với nhau đã ly thân 04 năm nay, không còn liên lạc. Yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Chau R; Về con chung có 01 con chung tên Néang Q, sinh ngày 09/3/2013 hiện nay đang sống với ông R, thống nhất giao cháu Q cho ông R tiếp tục nuôi dưỡng, không cấp dưỡng việc nuôi con chung; Tài sản chung: không có; nợ chung: không có.

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Chau R đều vắng mặt, không có ý kiến trình bày.*

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên tổng đạt thông báo thụ lý cho nguyên đơn và bị đơn còn trễ thời gian theo quy định; đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà M đối với ông Chau R. Về con chung: Néang Q, sinh ngày 09/3/2013 hiện con do ông R nuôi dưỡng và cháu Q cũng có nguyện sống với cha, nên cần tiếp tục giao con chung cho ông R nuôi dưỡng, bà M không phải cấp dưỡng nuôi con do ông R không yêu cầu, nên không xem xét. Về tài sản chung: không có. Về nợ chung: không có. Về án phí: Bà M phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Chau R có đăng ký hộ khẩu và thường trú tại: Tổ 02, ấp P, xã Ô, huyện TT, tỉnh An Giang. Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách, sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông R đã được Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông R.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà M và ông R qua tìm hiểu, quen biết nhau và gia đình hai bên có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ô, huyện TT, tỉnh An Giang vào 22/06/2017 được pháp luật thừa nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9, Điều 11 Luật hôn nhân gia đình.

Tại phiên tòa bà M xác định cả hai đã ly thân 04 năm nay không liên lạc, do quá trình sống chung ông R không quan tâm, lo cho gia đình vợ con, không có sự đồng cảm, chia sẻ với nhau, luôn xảy ra mâu thuẫn. Tại biên bản xác minh ngày 29 tháng 11 năm 2022 Văn phòng ấp P, xã Ô xác định “...bà M và ông R có hộ khẩu thường trú tại ấp P, nhưng ít thấy ông R có mặt tại địa phương, thỉnh thoảng có về, còn vợ chồng có mâu thuẫn hay không thì không rõ.....”. Như vậy, thấy rằng bà M và ông R không còn sống chung với nhau, cho thấy cuộc sống hôn nhân cả hai đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án hai lần triệu tập hoà giải nhưng ông R không đến, cũng chứng minh rằng ông không quan tâm đến tình trạng hôn nhân của vợ chồng, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Néang M đối với ông Chau R.

[4] Về con chung: Néang Q, sinh ngày 09/3/2013. Xét thấy, từ khi ly thân đến nay cháu Q đều do ông R nuôi dưỡng, cháu Q cũng có nguyện sống với cha, nên cần giao con chung cho ông R tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định pháp luật tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con: ông R không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: không có, nên không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Không có, nên không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Bà M khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự hôn nhân sơ thẩm theo mức không giá ngạch. Ông R không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Néang M đối với ông Chau R. Bà Néang M được ly hôn với ông Chau R.

Giấy chứng nhận kết hôn số 68, ngày 22 tháng 06 năm 2017 của Ủy ban nhân dân xã Ô, huyện TT, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

[2] Về con chung: Néang Q, sinh ngày 09/3/2013. Giao cháu Q cho ông R nuôi dưỡng. Bà M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông R cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà M thực hiện quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người nuôi con.

[3] Về tài sản chung: không có.

[4] Về nợ chung: Không có.

[5] Về án phí: Bà Néang M phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002531 ngày 13 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn, bà Mao đã nộp đủ án phí. Ông R không phải chịu án phí.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

[7] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh AG;
- VKSND tỉnh AG;
- VKSND h.Tri Tôn;
- Chi cục THADS h.Tri Tôn;
- UBND xã Ô Lâm;
- Các đương sự;
- Lưu HS & VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Sơn Thị Thúy Liễu

